TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/KDTM-PT
Ngày18 tháng 12 năm 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ và san lấp mặt bằng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: ÔngLê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấpcao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 85/2018/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1207/2018/KDTM-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3031/2019/QĐPT-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*ÔngHsieh Yung P. Địa chỉ: Lô 18C, Đường số 9, khu công nghiệp Lê Minh X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người phiên dịch: Bà Lý Ngọc T, sinh năm 1983 (do nguyên đơn chỉ định). (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH C. Địa chỉ: Phòng 802-803, Tòa nhà Văn phòng T1, Số 2290, Quốc lộ 1A, phường T2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm P1, sinh năm 1978. Địa chỉ: C8.08 Chung cư Topaz (A7) Celadon City 38 bờ bao Tân Thắng, phường S, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH H. Địa chỉ: Ấp M, xã M2, huyện Đ, tỉnh Long An. (có văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Hsieh Yung P trình bày:

Theo hợp đồng giao nhận san lấp mặt bằng số 01/HDP-2007 với nội dung bên dự án Cestar Produce And Trading Co., LTD đại diện là ông Hsieh Yung P giao cho bên Công ty TNHH C nhận thầu san lấp toàn bộ diện tích mặt bằng nhà xưởng tại huyện Đ, tỉnh Long An.

Biên bản thỏa thuận số 01/HDP-2007 với nội dung ông Hsieh Yung P đồng ý cho Công ty TNHH H phối hợp với Công ty TNHH C cùng thực hiện hồ sơ pháp lý có liên quan đến dự án Cestar Produce And Trading Co., LTD đến khi hoàn tất việc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ).

Bản thỏa thuận chung số 01/TAH YANG -2007 với nội dung Công ty TNHH C đồng ý thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai dự án TAH YANG (VIET NAM) tại cụm công nghiệp Hoàng Gia.

Ông Hsieh Yung P đã thanh toán cho Công ty TNHH C tiền mặt là 1.000 USD và thanh toán qua chuyển khoản ngày 26/6/2007 số tiền là 31.400 USD mà Công ty TNHH C vẫn không tiến hành thực hiện những cam kết trong hợp đồng và những biên bản thỏa thuận trên.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH C phải hoàn trả 32.400 USD tiền tạm ứng hợp đồng san lấp và bồi thường 32.400 USD. Tổng cộng là 64.800 USD cùng tiền lãi của số tiền trên từ ngày 27/6/2007 là ngày hợp đồng đến khi xét xử sơ thẩm, lãi suất là 18%/năm. Số tiền này chỉ yêu cầu Công ty TNHH C trả, không yêu cầu Công ty TNHH H vì không có liên quan đến khoản tiền này.

Đại diện bị đơn Công ty TNHH C bà Nguyễn Thị Diễm P1 trình bày:

Đại diện bị đơn thừa nhận Công ty TNHH C có ký các hợp đồng và có nhận 31.400 USD của ông Hsieh Yung P trong đó số tiền 26.400 USD là do tiền tạm ứng cho hợp đồng san lấp. Đối với này Công ty TNHH C đồng ý trả lại cho ông Hsieh Yung P. Đối với số tiền 5.000USD tạm ứng để thực hiện biên bản thỏa thuận, bà P1 thừa nhận đã nhận nhưng không đồng ý trả lại cho ông Hsieh Yung P bởi vì nội dung biên bản thỏa thuận quy định Công ty TNHH C làm các thủ tục xin đầu tư dự án Cestar Produce And Trading Co., LTD nhưng lý do ông P và Công ty TNHH H đã chấm dứt hợp đồng thỏ thuận nên Công ty TNHH C không có giấy tờ để xin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nội dung biên

bản thỏa thuận, hơn nữa đã chi tiền để thực hiện một số công việc theo thỏa thuận.Công ty TNHH C không có lỗi nên không hoàn trả 5.000 USD. Công ty chỉ đồng ý trả lại số tiền 26.400 USD.

Từ nội dung vụ án trên bản án sơ thẩm số 1207/2018/KDTM-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhtuyên xử:

Căn cứ vào:

Khoản 4 Điều 29 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004;

Điều 306 Luật thương mại.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yung P.

Buộc Công ty TNHH C thanh toán cho ông Hsieh Yung P số tiền 1.201.242.822đ. Trong đó tiền vốn 505.439.531đ; tiền lãi 695.803.291đ.

2- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Hsieh Yung P có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH C còn phải chịu lãi suất theo lãi suất trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, 17/9/2018 ông Tô Quang T4 - Giám đốc Công ty TNHH C (là bị đơn trong vụ án), ông T4 có rằng Công ty TNHH C có ký với ông Hsieh Yung P (đại diện cho dự án Cestar Produce And Trading Co., LTD) 02 hợp đồng với 02 nội dung khác nhau: Biên bản thỏa thuận số 01/HDP-2007 về việc thực hiện hồ sơ pháp lý đầu tư dự án Cestar Produce And Trading Co., LTD và hợp đồng kinh tế số 01/SL/CEST-2007 giao nhận thầu san lắp mặt bằng: Do ông Hsieh Yung P và Công ty TNHH H không có giao hồ sơ cho ông nên Công ty TNHH C không thực hiện được hồ sơ pháp lý đầu tư dự án Cestar Produce And Trading Co.,LTD, hay là do ông Hsieh Yung P không tiếp tục đầu tư, Công ty TNHH C chưa nhận được thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự nên Công ty TNHH C không đồng ý trả lại số tiền mà ông Hsieh Yung P ứng cho Công ty TNHH C để thực hiện theo hai hợp đồng và thỏa thuận như trên. Nên ông kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay đại diện cho Công ty TNHH C đồng ý trả lại số tiền nhận ứng của ông Hsieh Yung P 26.400 USD qui bằng 424.949.531đ. Không đồng ý trả lại số tiền 5.000 USD mà ông Hsieh Yung P cho rằng để chi phí làm dịch vụ.

Tại phiên tòa hôm nay ông Hsieh Yung P đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Tại Tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Đơn kháng cáo của ông Tô Quang T3 đại diện cho Công ty TNHH C kháng cáo trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2]Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Theo hồ sơ việc khởi kiện thể hiện:

Theo văn bản thỏa thuận số 01/HDP-2007. Bên A: Công ty TNHH C do ông Tô Quang T3 - Giám đốc đại diện và Công ty TNHH H do ông Võ Văn C- Giám đốc đại diện.

Bên A: Ông Hsieh Yung P đồng ý cho Bên B Công ty TNHH H phối hợp với Công ty TNHH C cùng thực hiện hồ sơ pháp lý của dự án Cestar Produce And Trading Co., LTD đến khi hoàn tất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ), cụ thể:

- Soạn thảo dự án xin cấp phép đầu tư.
- Lập hồ sơ bồi hoàn giải phóng mặt bằng.
- Lập hồ sơ vẽ địa chính khu đất.
- Lập hồ sơ đăng ký tác động môi trường.
- Lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ).
- Bao gồm các loại lệ phí và thuế.

Bên A thanh toán trực tiếp cho Công ty TNHH C để thực hiện dự án trên.

- Giá thanh toán 20.000m^2 x 0,85 USD = 17.000 USD.
- Đợt 1 ứng 30 %= 5.000 USD.
- Sau khi giao giấy phép đầu tư ứng 30% = 5.000 USD.
- Sau khi giao bản vẽ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp 30 % = 5.000 USD.
- Sau khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) thì trả tiếp số tiền còn lại được trừ lại 1.000 USD đặt cọc.

Hai bên cũng cam kết có vướng mắc bàn bạc tranh chấp do tòa án giải quyết. Và hai bên ký Hợp đồng san lấp mặt bằng vào tháng 6/2007 như bên A bên dự án (ông Hsieh Yung P), bên B Công ty TNHH C. Bên A (ông Hsieh Yung P) đồng ý cho bên B Công ty TNHH C san lấp mặt bằng nhà xưởng dự án tại Long An 28.000m^3, tiến độ thi công trong vòng 30 ngày, chất lượng theo thiết kế, giá cả 4,4 USD x 20.000m^2 = 88.000 USD, thanh toán làm 04 đợt, nếu có tranh chấp thì ra cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Theo ông Hsieh Yung P thực hiện theo 02 hợp đồng trên ông đã chuyển cho Công ty TNHH C với số tiền là 31.400 USD qui ra tiền Việt Nam là

505.439.531đ và giao tiền mặt là 1.000 USD, nhưng do Công ty TNHH C không thực hiện đúng theo thỏa thuận, nên ông không đầu tư thực hiện dự án trên được, ông yêu cầu Công ty TNHH C trả lại số tiền đã nhận và phải chịu lãi.

Phía ông Tô Quang T3 đại diện cho Công ty TNHH C thì thừa nhân có ký với ông Hsieh Yung P để thực hiện 02 hợp đồng nêu trên, ông có nhận để thực hiện theo hợp đồng san lấp là 26.400 USD và theo hợp đồng xin cấp giấy phép đầu tư 5.000 USD. Đối với 1.000 USD do ông T4 nhận Công ty không có trách nhiệm. Tại phiên tòa cấp sơ thẩm ông T4 đồng ý trả lại cho ông Hsieh Yung P 26.400 USD qui bằng 424.949.531đ, không đồng ý trả lại khoản 5.000 USD nhận để chi phí làm dịch vụ, thì Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hsieh Yung P có đưa cho ông Tô Quang T4 1.000 USD chi phí thực hiện thủ tục xin cấp phép dự án, nên xử không chấp nhận yêu cầu của ông Hsieh Yung P đòi lại 1.000 USD mà ông Hsieh Yung P đưa cho ông T4, phần xét xử này không có kháng cáo, kháng nghị không đã có hiệu lực pháp luật.

Đối với ông Tô Quang T4 đại diện cho Công ty TNHH C đồng ý trả lại số tiền 26.400 USD (nhận tiền để san lấp mặt bằng), không đồng ý trả lại khoản tiền 5.000 USD (nhận của ông Hsieh Yung P để làm dịch vụ) thì thấy:

Đối với Hợp đồng san lấp: Do chưa có dự án, chưa thực hiện việc san lấp, Hợp đồng san lấp không ràng buộc trách nhiệm cụ thể giữa hai bên, ông T4 thừa nhận có nhận của ông Hsieh Yung P 26.400 USD được qui ra tiền Việt lúc giao nhận thì phải có trách nhiệm trả lại cho ông Hsieh Yung P.

Đối với Hợp đồng xin cấp phép đầu tư và thực hiện các thủ tục khác. Do Công ty TNHH H với ông Hsieh Yung P đã chấp dứt hợp đồng thỏa thuận về việc sang nhượng đất, nên Công ty TNHH C không có giấy tờ về đất để xin cấp phép đầu tư, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 223/2010/DS-PT ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định: Ông Hsieh Yung P ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Công ty TNHH H theo thỏa thuận đến ngày 27/6/2008 Công ty TNHH H không giao đất nên ông Hsieh Yung P khởi kiện đòi hủy thỏa thuận chuyển nhượng đất, buộc Công ty TNHH H trả lại tiền đã nhận và bồi thường thiệt hại cho ông Hsieh Yung P bằng 2.434.471.875đ phần này án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử đã có hiệu lực pháp luật.

Do Công ty TNHH H vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện được theo thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không có giấy tờ về đất, nên không có hồ sơ để Công ty TNHH C lập thủ tục xin cấp phép đầu tư nhưng Công ty TNHH C lại nhận của ông Hsieh Yung P 02 khoản (26.400 USD + 5.000 USD = 31.400 USD) được quy đổi bằng 505.439.531đ mà không trả lại cho ông Hsieh

Yung Pin. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc Công ty TNHH C phải trả lại số tiền trên cho ông Hsieh Yung P và xác định kể từ tháng 6/2008 ông Hsieh Yung P đòi mà Công ty TNHH C không trả số tiền trên nên tính lãi từ tháng 6/2008 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 04/9/2018 với số ngày 3.722 ngày x 13,5%/ 365 ngày lãi bằng 695.803.291đ, cộng vốn và lãi bằng 1.201.242.822đ. Buộc Công ty TNHH C phải trả lại cho ông Hsieh Yung P như trên là có căn cứ.

[3]Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay đại diện cho Công ty TNHH C cho rằng có nhận 5.000 USD của ông Hsieh Yung P để thực hiện các dịch vụ như đo đạc đất, có chi phí, nhưng đại diện cho Công ty TNHH C không xuất trình được chứng cứ chứng minh có việc chi số tiền trên, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm trên nên được ghi nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C do ông Tô Quang T4 đại diện kháng cáo.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Căn cứ khoản 4 Điều 29; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.Điều 306 Luật thương mại năm 2005. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yung P.

Buộc Công ty TNHH C phải trả lại cho ông Hsieh Yung P 505.439.531đ tiền gốc và 695.803.291đ tiền lãi- Cộng 02 khoản trên phải trả cho ông Hsieh Yung P bằng 1.201.242.822đ (Một tỷ hai trăm lẻ một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

2/ Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH C không thanh toán thì hàng tháng Công ty TNHH C còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:Công ty TNHH C phải nộp 2.000.000đán phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.Ngày 19/10/2018Công ty TNHH C dự nộp 2.000.000đ theo biên lai thu số 0049966 tại Cục thi hành án

dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền này được chuyển qua thi hành phần án phí phải nộp như trên.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/12/2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TANDTp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án, (ĐTT-14b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung